

Số: 01/2023/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú xóm 1, xã K, Huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm Thổ Tiến, xã Khánh Hội, Huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Lê Văn T sinh năm 1994; địa chỉ xóm 1, xã K, Huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27/12/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Th và anh Lê Văn T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị Th và anh T cùng trình bày, vợ chồng có 01 con là cháu Lê Gia H sinh ngày 08/02/2019. Chị Th và anh T tự nguyện thỏa thuận giao cháu H cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Th và chị Th cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu H.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu H được sống chung với chị Th và anh T có quyền thăm nom, chăm sóc cháu H; chị Th không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc cháu H.

Về tài sản: Chị Th và anh T cùng trình bày, vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Chị Th và anh T tự nguyện thỏa thuận chị Th chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005631 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Y, chị Th được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Hện Y
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực